

## Câu 1-5:



Hiển thị đọc ▾

Chia dạng quá khứ đơn của các động từ trong ngoặc. Lưu ý: Đối với nghi vấn, ghi câu trả lời như sau: Did – break.

2



1. My brother \_\_\_\_\_ (not/pay) the bill last night.

Bạn chưa trả lời câu hỏi này

did not pay / didn't pay

[Ẩn Giải thích](#)

### Thì quá khứ đơn:

Ta thấy có 'last night' (tối qua) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

Vì đây là câu phủ định, với động từ thường 'pay', ta mượn trợ động từ 'did'. Khi đó động từ 'pay' giữ nguyên.

**Tạm dịch:** Anh trai tôi đã không trả tiền cho hoá đơn tối qua.

→ **did not pay**

→ **didn't pay**

2



2. \_\_\_\_\_ they \_\_\_\_\_ (win) the contest last Sunday?

Bạn chưa trả lời câu hỏi này

Did – win

[Ẩn Giải thích](#)

TAILIEUONTHI.NET

### Thì quá khứ đơn:

Ta thấy có 'last Sunday' (chủ nhật tuần trước) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

Vì đây là câu nghi vấn, với động từ thường 'win', ta mượn trợ động từ 'did'. Khi đó động từ 'win' giữ nguyên.

**Tạm dịch:** Có phải họ giành chiến thắng cuộc thi vào chủ nhật tuần trước không?

→ **Did – win**

2



3. We \_\_\_\_\_ (be/not) at home last night.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này



✓ were not / weren't

[Ẩn Giải thích](#)

### Thì quá khứ đơn:

Ta thấy có 'last night' (tối qua) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

Vì đây là câu phủ định, chủ ngữ là 'we', nên to be ta dùng là were.

**Tạm dịch:** Chúng tôi không có nhà vào tối qua.

→ **were not**

→ **weren't**

1



4. They \_\_\_\_\_ (not/ come) to the meeting yesterday.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này



✓ did not come / didn't come

[Ẩn Giải thích](#)

### Thì quá khứ đơn:

Ta thấy có 'yesterday' (hôm qua) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

Vì đây là câu phủ định, với động từ thường 'come', ta mượn trợ động từ 'did'. Khi đó động từ 'come' giữ nguyên.

**Tạm dịch:** Họ không tham dự cuộc họp ngày hôm qua.

→ **did not come**

→ **didn't come**

2



5. \_\_\_\_\_ it \_\_\_\_\_ (rain) last week?

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

×

✓ Did – rain

[Ans Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy có 'last week' (tuần trước) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

Vì đây là câu nghi vấn, với động từ thường 'rain', ta mượn trợ động từ 'did'. Khi đó động từ 'rain' giữ nguyên.

**Tạm dịch:** Có phải tuần trước trời mưa không?

→ **Did – rain**

Câu 6-10:

2

Hiển thị đọc

**Dựa vào các hình ảnh, viết câu trả lời phù hợp cho mỗi câu hỏi sau. Lưu ý: Chỉ viết từ còn thiếu và KHÔNG thêm dấu chấm ở cuối câu.**



6. Were they at the airport?

- Yes, they \_\_\_\_\_.

TAILIEUONTHI.NET



**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ were

[Ẩn Giải thích](#)

### Thì quá khứ đơn:

Ta quan sát tranh, thấy một gia đình đang ở sân bay.

Câu hỏi là 'Có phải đang ở sân bay không', vậy trả lời là 'Đúng vậy'.

**Tạm dịch:** Họ đang ở sân bay phải không? – Đúng vậy.

→ **were**

5



7. Did the boy break the vase?

- \_\_\_\_\_.



**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

**✓** Yes, he did

**Ẩn Giải thích**

**Thì quá khứ đơn:**

Ta quan sát tranh, thấy cậu bé làm vỡ chiếc lọ.

Câu hỏi là ‘Có phải cậu bé làm vỡ chiếc lọ không’, vậy trả lời là ‘Đúng vậy’.

**Tạm dịch:** Có phải cậu bé làm vỡ chiếc lọ không? – Đúng vậy.

→ **Yes, he did**

8



**8.** Did the baby cry last night?

- No, \_\_\_\_\_.



**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

**✓** he did not / he didn't / she did not / she didn't

**Ẩn Giải thích**

TAILIEUONTHI.NET

**Thì quá khứ đơn:**

Ta quan sát tranh, thấy em bé ngủ rất ngon.

Câu hỏi là 'Có phải tối qua em bé khóc không', vậy trả lời là 'Không phải'.

**Tạm dịch:** Có phải tối qua em bé khóc không? – Không phải.

→ **she/he did not**

→ **she/he didn't**

2



9. Was their bedroom tidy?

- \_\_\_\_\_.



**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

**✓** Yes, it was

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta quan sát tranh, thấy căn phòng rất gọn gàng.

Câu hỏi là 'Căn phòng của họ có gọn gàng không', vậy trả lời là 'Có'.

**Tạm dịch:** Căn phòng của họ có gọn gàng không? – Có.

→ **Yes, it was**



10. Did Hung wear a suit to school?

- \_\_\_\_\_.

TAILIEUONTHI.NET



**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

**✓** No, he did not / No, he didn't

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta quan sát tranh, thấy cậu trai mặc quần áo bình thường.

Câu hỏi là 'Có phải Hùng mặc bộ com lê tới trường không', vậy trả lời là 'Không phải'.

**Tạm dịch:** Có phải Hùng mặc bộ com lê tới trường không? – Không phải.

→ **No, he did not**

→ **No, he didn't**

**Câu 11-20:**



Hiện thị đọc ▼

**Chọn đáp án phù hợp.**

**11.** My parents \_\_\_\_\_ the old house in 2000.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này



✓ A. didn't sell

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy 'in 2000' (vào năm 2000) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

'sell' là động từ thường, nên ta mượn trợ động 'did' để tạo thành thể phủ định trong thì quá khứ đơn.

**Tạm dịch:** Bố mẹ tôi không bán căn nhà vào năm 2000.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. don't sell

☐ C. doesn't sell



12. \_\_\_\_\_ your father work at a factory in 2014?

! Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. Does

☐ B. Do

✓ C. Did

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy 'in 2014' (vào năm 2014) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

'work' là động từ thường, nên ta mượn trợ động 'did' để tạo thành thể nghi vấn trong thì quá khứ đơn.

**Tạm dịch:** Có phải bố bạn làm việc trong một nhà máy vào năm 2014 không?

→ **Chọn đáp án C**



13. Daniel \_\_\_\_\_ up late yesterday.

! Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. doesn't get

☐ B. don't get

✓ C. didn't get

[Ẩn Giải thích](#)

TAILIEUONTHI.NET



**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy 'yesterday' (ngày hôm qua) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

'get up' là động từ thường, nên ta mượn trợ động 'did' để tạo thành thể phủ định trong thì quá khứ đơn.

**Tạm dịch:** Daniel không dậy muộn vào hôm qua.

→ **Chọn đáp án C**



14. The vegetables \_\_\_\_\_ fresh yesterday.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. isn't

☒ B. weren't

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy 'yesterday' (ngày hôm qua) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

Chủ ngữ 'the vegetables' là số nhiều, nên ta dùng to be 'were'.

**Tạm dịch:** Những rau củ này hôm qua không được tươi.

→ **Chọn đáp án B**

☐ C. wasn't



15. Did your child \_\_\_\_\_ a hat to school yesterday?

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. wearing

☐ B. wore

☒ C. wear

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy 'yesterday' (ngày hôm qua) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

Vì đã có trợ động từ 'did' nên động từ 'wear' giữ nguyên.

**Tạm dịch:** Có phải con bạn đội mũ tới trường hôm qua không?

→ **Chọn đáp án C**



16. He \_\_\_\_\_ me a letter last month.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. don't send

☒ B. didn't send

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy 'las month' (tháng trước) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

'send' là động từ thường, nên ta mượn trợ động 'did' để tạo thành thể phủ định trong thì quá khứ đơn.

**Tạm dịch:** Anh ấy không gửi thư cho tôi vào tháng trước.

→ **Chọn đáp án B**

☐ C. doesn't send

2



17. \_\_\_\_\_ it hot yesterday?

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. Is

☒ B. Was

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy 'yesterday' (ngày hôm qua) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

Ta thấy chủ ngữ là 'it' nên ta dùng to be 'was' trong thì quá khứ đơn.

**Tạm dịch:** Hôm qua trời nóng à?


→ **Chọn đáp án B**

☐ C. Were

1



18. My sister \_\_\_\_\_ new shoes last month.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. didn't buy

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy 'last month' (tháng trước) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

‘buy’ là động từ thường, nên ta mượn trợ động ‘did’ để tạo thành thể phủ định trong thì quá khứ đơn.

**Tạm dịch:** Chị tôi không mua giày mới vào tháng trước.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. don't buy

☐ C. doesn't buy



19. Lucy \_\_\_\_\_ busy last night.

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. wasn't

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy ‘last night’ (tối qua) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

Chủ ngữ ‘Lucy’ là tên riêng, nên ta dùng to be ‘was’.

**Tạm dịch:** Tối qua Lucy không bận.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. weren't

☐ C. aren't

1



20. \_\_\_\_\_ the party last week funny?

**i** Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. Were

☒ B. Was

[Ẩn Giải thích](#)

**Thì quá khứ đơn:**

Ta thấy ‘last week’ (tuần trước) là dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn.

Chủ ngữ ‘the party’ số ít, nên ta dùng to be ‘was’.

**Tạm dịch:** Bữa tiệc tuần trước có thú vị không?

→ **Chọn đáp án B**

☐ C. Are

TAILIEUONTHI.NET

TAILIEUONTHI.NET